

Mua vào

Giá mục tiêu: VND38,438
Tiềm năng tăng/giảm: 21.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/1/2026)	31,700
Mã Bloomberg	SSI VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	18,299-37,757
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	32,317
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	72,320
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,753
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,281
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,078
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,394
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	33.0%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	Securities Group Inc. (15.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	73,507	99,966	112,310
Cho vay ký quỹ (tỷ đồng)	21,999	37,398	45,625
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	8,528	11,488	11,738
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	2,845	4,146	4,676
BVPS (đồng)	12,372	13,983	14,698
EPS (đồng)	1,376	1,559	1,707
DPS (đồng)	911	911	911
T.trưởng tổng tài sản (%)	6.16	36.0	12.3
T.trưởng c.vay KQ (%)	45.4	70.0	22.0
T.trưởng DT HĐ (%)	19.2	34.7	2.18
Tăng trưởng EPS (%)	(2.64)	13.3	9.53
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	66.2	58.4	53.4
ROAE (%)	11.4	12.8	11.9
ROAA (%)	3.99	4.78	4.41
Tỷ lệ CIR (%)	42.1	34.4	24.5
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.11	0.11	0.11
Vòng quay tổng TS (%)	11.9	13.2	11.1
Đòn bẩy vốn (%)	276	261	278
Thị phần môi giới CP (%)	9.50	11.5	11.6
P/E (lần)	23.0	20.3	18.6
P/B (lần)	2.56	2.27	2.16
Lợi suất cổ tức (%)	2.87	2.87	2.87

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

SSI là một trong những công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam, với thị phần khoảng 10%. Công ty phát triển cân bằng giữa nhóm khách hàng cá nhân và tổ chức

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q4/2025: LNTT tăng mạnh so với cùng kỳ nhưng giảm so với quý trước đúng như dự báo

- SSI đã công bố LNTT Q4/2025 đạt 1.005 tỷ VND (tăng 84% so với cùng kỳ) nhờ đóng góp từ tất cả các phân khúc. LNTT giảm 45% so với mức nền cao Q3/2025 chủ yếu do thanh khoản thị trường giảm ảnh hưởng đến lợi nhuận nghiệp vụ môi giới và lãi hoạt động tự doanh thu hẹp. LNTT cả năm 2025 đạt 5.087 tỷ đồng (tăng trưởng 44%), hoàn thành 98% dự báo cả năm của chúng tôi.
- Mảng cho vay ký quỹ vẫn là động lực tăng trưởng lợi nhuận chính. Dư nợ cho vay ký quỹ đạt 38,9 nghìn tỷ đồng trong Q4/2025 (đi ngang so với quý trước và tăng 77% so với cùng kỳ), tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH giảm xuống 125%.
- Sau khi giá cổ phiếu đi ngang trong 1 tháng qua, SSI đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,4 lần, cao hơn một chút so với bình quân ngành ở mức 16,8 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, dự báo và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 vào ngày 20/1/2026

SSI đã công bố KQKD Q4/2025 khả quan với LNTT hợp nhất đạt 1.005 tỷ đồng (tăng 84% so với cùng kỳ nhưng giảm 45% so với quý trước) nhờ đóng góp tích cực từ tất cả các mảng kinh doanh. Lãi từ cho vay ký quỹ vẫn mạnh mẽ ở mức 1.098 tỷ đồng (tăng 92% so với cùng kỳ), lợi nhuận nghiệp vụ môi giới đạt 175 tỷ đồng (tăng mạnh so với mức nền thấp và lãi hoạt động tự doanh đạt 593 tỷ đồng (tăng 40% so với cùng kỳ).

So với quý trước, lợi nhuận đã giảm trở lại mức bình thường sau Q3/2025 mạnh mẽ. LNTT Q4/2025 giảm 45% so với quý trước chủ yếu do thanh khoản thị trường suy yếu ảnh hưởng đến mảng nghiệp vụ môi giới trong khi lãi hoạt động tự doanh sụt giảm. LNTT Q4 cũng thấp hơn khoảng 9% so với dự báo của chúng tôi (1.099 tỷ đồng) chủ yếu do thu nhập đầu tư không đạt kỳ vọng và chi phí tài chính vượt dự báo – nhưng vẫn phù hợp với xu hướng giảm theo dự báo của chúng tôi. Trong năm 2025, LNTT đạt 5.087 tỷ đồng (tăng trưởng 44%), hoàn thành 98% dự báo cả năm của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q4/2025, SSI

LNTT năm 2025 của SSI bằng 98% dự báo cả năm, thấp hơn một chút so với ước tính của chúng tôi

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% HSCF
Tổng thu nhập HĐ	995	1,884	89%	5,225	7,859	50%	101%
Môi giới	8	176	2100%	358	758	112%	94%
Cho vay ký quỹ	571	1,098	92%	2,079	3,562	71%	108%
Thu nhập từ đầu tư	424	594	40%	2,719	3,433	26%	95%
Khác	(8)	16		68	105	54%	150%
Lỗ tài chính	(394)	(821)	108%	(1,450)	(2,526)	74%	107%
Chi phí HĐ	(80)	(59)	-26%	(267)	(248)	-7%	103%
Thu nhập khác	0	1		0	3		
LNTT	547	1,005	84%	3,536	5,087	44%	98%
Lợi nhuận thuần	360	742	106%	2,784	4,070	46%	98%

Nguồn: SSI, HSC

Mảng cho vay ký quỹ: Giữ vững xu hướng

Thu nhập từ cho vay ký quỹ tăng mạnh lên 1.098 tỷ đồng trong Q4/2025 (tăng 92% so với cùng kỳ và tăng 9% so với quý trước) nhờ dư nợ cho vay ký quỹ tăng 77% so với cùng kỳ lên 38,9 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với quý trước). Tuy nhiên, chi phí huy động tăng mạnh: chi phí tài chính tăng 108% so với cùng kỳ lên 858 tỷ đồng, tương đương lãi từ cho vay ký quỹ (sau khi trừ chi phí huy động) đạt 240 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ nhưng giảm 22% so với quý trước.

Cả lãi suất cho vay và chi phí huy động đều tăng khoảng 30 điểm cơ bản so với quý trước lên lần lượt 11,1% và 4,5%. Theo đó, tỷ lệ NIM mảng cho vay ký quỹ gần như đi ngang so với quý trước ở mức 6,6%.

Dư nợ margin tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh thanh khoản giảm với giá trị giao dịch bình quân ngày giảm xuống 31,4 nghìn tỷ đồng trong Q4/2025 từ 46,1 nghìn tỷ đồng trong Q3/2025. Tuy nhiên, dư nợ cho vay ký quỹ của SSI vẫn đứng thứ 2 trong ngành ở mức 38,9 nghìn tỷ đồng, chỉ sau TCX (43,8 nghìn tỷ đồng).

Phù hợp với tăng trưởng chững lại, tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH giảm xuống 125% tại thời điểm cuối Q4/2025 từ 130% tại thời điểm cuối Q3/2025, nhưng vẫn cao hơn 85% tại thời điểm cuối Q4/2024 và cao hơn bình quân ngành (ước tính 118%).

Tình hình nguồn vốn: SSI đã nâng cao nền vốn sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu ưu đãi vào tháng 1/2026, huy động 6,2 nghìn tỷ đồng (tương đương 20% vốn CSH tại thời điểm cuối Q4/2025), cung cấp thêm địa để hỗ trợ tăng trưởng mảng cho vay ký quỹ và bảng CĐKT trong tương lai.

Mảng nghiệp vụ môi giới: Trở lại bình thường từ mức nền cao nhưng giành thêm thị phần

Doanh thu nghiệp vụ môi giới giảm 32% so với quý trước (nhưng tăng 97% so với cùng kỳ) xuống 629 tỷ đồng trong Q4/2025 chủ yếu do giá trị giao dịch bình quân ngày giảm 32% so với quý trước xuống 31,4 nghìn tỷ đồng từ 46,1 nghìn tỷ đồng trong Q3/2025. Tuy nhiên, giá trị giao dịch bình quân ngày vẫn tăng 74% so với cùng kỳ (18 nghìn tỷ đồng).

Thị phần mảng cổ phiếu của SSI tăng lên 12,5% trong Q4/2025 từ 11,8% trong Q3/2025 nhờ hoạt động giao dịch mạnh mẽ của khối ngoại và phân khúc bán lẻ sôi động, được thúc đẩy bởi cơ sở cho vay ký quỹ lớn.

Chi phí nghiệp vụ môi giới giảm 15% so với quý trước (tăng 46% so với cùng kỳ) xuống 454 tỷ đồng nhưng không đủ để bù đắp phần sụt giảm của doanh thu. Từ đó, lợi nhuận nghiệp vụ môi giới giảm 54% so với quý trước xuống 175 tỷ đồng từ 388 tỷ đồng trong Q3/2025. Tỷ lệ phí giữ lại của SSI (phí thuần/phí gộp) đã thu hẹp xuống 28% từ 42% trong Q3/2025 nhưng vẫn cao hơn đáng kể so với mức rất thấp trong Q4/2024 (2%) khi khủng hoảng thanh khoản.

Mảng đầu tư: Ổn định nhưng lợi nhuận được hiện thực hóa giảm xuống

Lãi hoạt động tự doanh tăng 40% so với cùng kỳ nhưng giảm 49% so với quý trước xuống 593 tỷ đồng trong Q4/2025, chủ yếu nhờ thu nhập từ danh mục FVTPL tăng 33% so với cùng kỳ lên 516 tỷ đồng. Tuy nhiên, so với quý trước, thu nhập từ danh mục FVTPL giảm 50% do gần như không thực hiện hóa lợi nhuận trong Q4/2025 (11 tỷ đồng so với 541 tỷ đồng trong Q3/2025 và 227 tỷ đồng trong Q4/2024). Điều này có thể do hoạt động chốt lời kém hấp dẫn trong bối cảnh giá các cổ phiếu ngoài nhóm Vingroup điều chỉnh giảm trong quý này.

Đối với các danh mục thận trọng, cổ tức/thu nhập lãi từ các công cụ thu nhập cố định trong danh mục FVTPL vẫn ổn định ở mức 467 tỷ đồng (tăng 26% so với cùng kỳ và giảm 7% so với quý trước).

Cơ cấu danh mục đầu tư:

- Danh mục FVTPL vẫn chiếm ưu thế với 37,6 nghìn tỷ đồng (giảm 10% so với cùng kỳ và giảm 25% so với quý trước) tính đến cuối Q4/2025. Trong danh mục FVTPL: chứng chỉ tiền gửi chiếm 62%, trái phiếu chiếm 34% (chủ yếu là trái phiếu của các NHTM có vốn nhà nước) và cổ phiếu chiếm khoảng 4% (chủ yếu là cổ phiếu niêm yết).
- Danh mục tài sản HTM đạt 5,2 nghìn tỷ đồng (chủ yếu là tiền gửi trung hạn).
- Danh mục tài sản AFS đạt 0,5 nghìn tỷ đồng (chủ yếu là cổ phiếu chưa niêm yết).

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

Nhìn chung, KQKD cả năm 2025 của SSI sát với dự báo của chúng tôi. HSC giữ nguyên dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị Mua vào.

Sau khi giá cổ phiếu ổn định trong 1 tháng qua, SSI đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,4 lần, thấp hơn 0,3 độ lệch chuẩn so với bình quân kể từ Q4/2020 ở mức 21 lần nhưng cao hơn một chút so với bình quân ngành là 16,8 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu HĐ môi giới CK	1,502	1,667	2,192	2,223	2,627
Lãi cho vay ký quỹ	1,568	2,079	3,296	4,400	5,199
Doanh thu HĐ tự doanh	3,647	4,355	5,776	4,866	5,845
Phí bảo lãnh phát hành	-	-	-	-	-
Thu nhập dịch vụ tư vấn	50.0	35.0	40.0	46.0	55.0
Thu nhập HĐ khác	390	392	184	203	223
Doanh thu HĐ	7,157	8,528	11,488	11,738	13,949
Chi phí HĐ	(2,771)	(3,590)	(3,952)	(2,875)	(3,931)
Lợi nhuận HĐ	4,386	4,938	7,536	8,863	10,018
Lợi nhuận tài chính	(1,514)	(1,396)	(2,355)	(3,020)	(3,296)
Lợi nhuận khác	1.00	0	0	0	0
LNTT	2,873	3,542	5,181	5,843	6,722
Chi phí thuế TNDN	(554)	(698)	(1,036)	(1,168)	(1,344)
LNST	2,319	2,844	4,145	4,675	5,378
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)
Lợi nhuận thuần	2,320	2,845	4,146	4,676	5,379

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	494	239	2,601	426	5,837
Phải thu	590	801	1,053	1,068	1,261
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	109	1,055	1,460	1,484	1,795
Tài sản tài chính	64,562	68,838	92,027	106,470	114,666
FVTPL	44,072	42,438	50,077	56,086	57,208
HTM	4,973	3,894	4,089	4,293	4,508
Cho vay ký quỹ	15,134	21,999	37,398	45,625	52,469
AFS	416	562	609	730	876
Dự phòng	(32.7)	(55.1)	(145)	(265)	(395)
Đầu tư dài hạn	2,821	1,626	1,626	1,626	1,626
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	650	687	687	687	687
Đầu tư dài hạn khác	2,172	938	938	938	938
Tài sản cố định	269	231	254	280	308
Tài sản khác	395	718	944	957	1,131
Tổng tài sản	69,241	73,507	99,966	112,310	126,623
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	43,169	45,502	60,039	70,246	81,485
Trái phiếu ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả hoạt động	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả khác	2,832	1,179	1,550	1,572	1,856
Nợ phải trả	46,000	46,681	61,589	71,818	83,342
Vốn chủ sở hữu	23,100	26,676	38,240	40,357	43,147
Vốn điều lệ	15,011	19,639	24,914	25,014	25,114
Thặng dư vốn cổ phần	3,299	1,094	8,314	8,314	8,314
Lợi nhuận giữ lại	4,696	5,856	4,226	5,829	8,051
Quỹ & vốn khác của CSH	113	107	786	1,201	1,668
Lợi ích cổ đông thiểu số	141	151	136	135	135
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	69,241	73,507	99,966	112,310	126,623

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	32.6	6.16	36.0	12.3	12.7
Tăng trưởng cho vay (%)	36.9	45.4	70.0	22.0	15.0
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	(10.0)	81.6	31.5	1.40	18.1
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	54.8	5.40	31.9	17.0	16.0
Tăng trưởng VCSH (%)	3.84	15.5	43.3	5.54	6.91
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	13.0	19.2	34.7	2.18	18.8
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	7.66	29.6	10.1	27.3	36.7
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	31.5	12.6	52.6	17.6	13.0
Tăng trưởng LNTT (%)	36.2	23.3	46.3	12.8	15.0
Tăng trưởng LNST (%)	36.6	22.6	45.7	12.8	15.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	36.6	22.6	45.7	12.8	15.0

Định giá					
P/E (lần)	22.4	23.0	20.3	18.6	16.2
P/B (lần)	2.26	2.56	2.27	2.16	2.03
Lợi suất cổ tức (%)	2.87	2.87	2.87	2.87	2.87

Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	1,413	1,376	1,559	1,707	1,956
DPS (đồng)	911	911	911	911	911
BVPS (đồng)	14,018	12,372	13,983	14,698	15,651
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,641	2,067	2,660	2,739	2,750
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,648	2,156	2,735	2,746	2,757
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,970	2,067	2,660	2,739	2,750

Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	3.82	3.99	4.78	4.41	4.50
ROAE (%)	10.2	11.4	12.8	11.9	12.9
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	12.0	11.2	11.1	10.6	10.6
Chi phí vay nợ BQ (%)	4.40	3.40	4.30	4.50	4.60
Phí môi giới thuần (%)	0.01	0.02	0.04	0.03	0.03
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ CIR (%)	38.7	42.1	34.4	24.5	28.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	64.4	66.2	58.4	53.4	46.6

Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	10.4	9.50	11.5	11.6	11.8
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-

Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	187	171	157	174	189
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	66.0	82.0	98.0	113	122

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	1,637	1,553	1,600	1,650	1,700

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn